

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HS-ST

Ngày 07 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Trí S, sinh năm 1994. Tên gọi khác: Không. Tại: Bắc Giang

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 8/12. Con ông: Phạm Trí L, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị G, sinh năm 1958. Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ năm. Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2012 đến ngày 21/12/2012 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo bỏ trốn và đầu thú bị bắt từ

ngày 24/3/2018. Hiện đang giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh năm 1990. Tại: Bắc Giang; Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12. Con ông: Nguyễn Văn T, (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954. Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không có

Nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 41/2017/QĐ-TA, ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2012 đến ngày 30/01/2013 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện tỉnh Bắc Giang theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 41/2017/QĐ-TA, ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

+ Bị hại:

1. Anh Hà Văn L, sinh năm 1988

2. Anh Hà Văn K, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Quán bia T, chợ Q, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng

mặt tại phiên tòa).

5. Bà Hà Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Hồng S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Hà Văn D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Hà Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 26/9/2012, Phạm Trí S, sinh ngày 28/4/1994, trú quán: thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cùng với Nguyễn Văn C, sinh năm 1990, trú quán: thôn Đ, xã X, thành phố B; Hà Văn D, sinh năm 1992, Đỗ Hồng S, sinh năm 1992, cùng trú quán: thôn V, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang và bạn gái C tên là T nhà ở thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ rủ nhau đến quán bia Thanh Mạnh, địa chỉ: ki ốt chợ Quán Thành, xã X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Lúc này tại đây còn có anh Hà Văn L, sinh năm 1988, trú quán: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang ngồi uống bia ở bàn bên cạnh cùng với Hà Văn N, sinh năm 1988, trú quán: thôn Đông, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1988, trú quán: thôn Q, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Giang cũng ngồi uống bia. Trong lúc ngồi uống bia, anh L có đi sang bàn của S và C mời bia, quá trình mời bia nhau thì giữa C và anh L xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau, sau đó anh L đi về bàn của mình ngồi uống bia tiếp. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày khi thấy anh Hà Văn K, sinh năm 1989, trú quán: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang là em ruột anh L đến đón nên anh L thanh toán tiền và cùng mọi người dắt xe mô tô đi về. Khi anh L dắt xe ra đến cửa quán thì bị Phạm Trí S đứng ở đầu

xe mô tô nói với anh L: “Thôi anh em cứ về đi không có việc gì đâu” và bắt tay anh L, lúc này C đi ra chỗ S và anh L đang đứng và hỏi anh L “anh định gọi người đánh em đấy à” thì anh L nói “ừ đấy, thì làm sao” nên C dùng tay phải cầm chiếc điều cày bằng tre có đường kính khoảng 5,5cm, dài khoảng 60cm đập một cái vào đầu của anh L. Sau khi anh L bị C đánh thì nhóm của anh L xảy ra xô xát với C và S. C giằng co với anh L rồi rút chiếc điều cày lại bỏ chạy còn Phạm Trí S cầm 01 con dao dạng dao gấp bằng kim loại dài khoảng 15cm, rộng khoảng 2cm, lưỡi dao sắc nhọn đem theo từ trước đâm liên tiếp 02 nhát vào vùng hạ sườn phải anh L và 01 nhát vào vùng hạ sườn trái anh K làm anh L và anh K bị thương chảy máu. Anh L và anh K được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang đến ngày 05/10/2012 thì ra viện.

Ngày 27/9/2012, anh Hà Văn L và anh Hà Văn K có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nhưng không thu giữ gì.

Ngày 23/10/2012, Cơ quan điều tra bắt giam đối với Phạm Trí S và Nguyễn Văn C

Ngày 10/10/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã Quyết định trưng cầu giám định số 466, 467, quyết định trưng cầu tỷ lệ phần trăm thương tích của anh Hà Văn L, Hà Văn K.

Tại kết quả giám định pháp y số 5694/12/GĐPY ngày 11/10/2012 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận: Anh Hà Văn L được xác định tỷ lệ tổn thương là 53%, thương tích không để lại cố tật.

Tại kết quả giám định pháp y số 5695/12/GĐPY ngày 11/10/2012 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận: Anh Hà Văn K được xác định tỷ lệ tổn thương là 56%, thương tích không để lại cố tật.

Ngày 29/01/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã có Công văn số 225/CV-CQĐT đề nghị Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định cơ chế hình thành các thương tích và tỷ lệ thương tích từng vết thương trên người anh L và anh K.

Tại Công văn số 287/GĐPY ngày 30/01/2013 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định:

- Thương tích sẹo vùng hạ sườn phải anh L = 4% do vật sắc nhọn gây nên, thương tích sẹo vùng hạ sườn phải + rách cơ hoành + vỡ gan + tràn dịch màng phổi anh L = 51% do vật sắc nhọn gây nên. Tổng cộng thương tích áp dụng theo phương pháp cộng lùi = 53%;

- Thương tích sẹo vùng hạ sườn trái + vỡ gan + thủng dạ dày anh K = 56% do vật sắc nhọn gây nên.

Ngày 21/12/2012, Phạm Trí S được thay thế biện pháp ngăn chặn. Ngày 30/01/2013, Nguyễn Văn C được thay thế biện pháp ngăn chặn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Phạm Trí S đã bỏ trốn khỏi địa phương, Tòa án nhân dân thành phố B đã yêu cầu cơ quan điều tra ra lệnh truy nã. Đến ngày 24/3/2018 Phạm Trí S đến Công an thành phố B đầu thú.

Đối với chiếc điều cây Nguyễn Văn C dùng để đánh anh L, C khai đã ném chiếc điều cây tại trước cửa quán bia Thanh Mạnh nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với con dao Phạm Trí S dùng gây thương tích đối với anh L và anh K. S khai ném con dao tại khu vực đất trống trước cửa phòng trọ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị G là mẹ đẻ của Phạm Trí S đã tự nguyện bồi thường cho anh L và anh K mỗi người 5.000.000 đồng. Đến nay Anh Hà Văn L yêu cầu bị cáo S phải bồi thường số tiền là 30.481.000 đồng; anh K yêu cầu S phải bồi thường số tiền 43.241.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của C đã tự nguyện bồi thường cho anh L và anh K mỗi người 10.000.000 đồng. Đến nay anh L và anh K không yêu cầu C bồi thường dân sự.

+ Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

+ Ngày 16 tháng 4 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố B có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Sau khi có Quyết định điều tra bổ sung Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thay đổi Cáo trạng và thay đổi tội danh truy tố đối với Nguyễn Văn C.

+ Tại bản Cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 22/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Bị cáo Phạm Trí S bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm

2015. Bị cáo Nguyễn Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về tội “Gây rối trật tự công công” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Tại phiên tòa bị cáo S, bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

+ Bị hại anh Hà Văn L, Hà Văn K có mặt tại phiên tòa trình bày:

- Anh Hà Văn L: Anh yêu cầu bị cáo S phải bồi thường tổng số tiền là 30.481.000 đồng sau khi đã trừ đi số tiền gia đình bị cáo S đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng. Số tiền 30.481.000 đồng bao gồm: Tiền viện phí; Tiền mất thu nhập của bản thân; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc; Tiền tổn thất về tinh thần. Ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác

- Anh Hà Văn K: Anh yêu cầu bị cáo S phải bồi thường tổng số tiền là 43.241. 000 đồng sau khi đã trừ đi số tiền gia đình bị cáo S đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng. Số tiền 43.241.000 đồng bao gồm: Tiền viện phí; Tiền mất thu nhập của bản thân; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc; Tiền tổn thất về tinh thần. Ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác

+ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trình bày:

- Ông Hà Văn N: Ông yêu cầu bị cáo S phải bồi thường số tiền 45.000.000 đồng là tiền mất thu nhập của ông phải chăm sóc anh K khi ra viện, nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì. Nay ông rút yêu cầu bồi thường đối với khoản tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

- Bà Phạm Thị G trình bày: Sau khi bị cáo S gây thương tích cho anh L và anh K, bị cáo S có nói với gia đình để bồi thường cho anh L và anh K. Bà đã bồi thường cho anh L và anh K được 10.000.000 đồng, số tiền này bà không yêu cầu bị cáo S phải trả. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bị cáo C sau khi xô xát với anh L và anh K, bị cáo C có tác động đến gia đình để bồi thường cho anh L và anh K. Đến nay gia đình đã bồi thường cho anh L và anh K được tổng số tiền 20.000.000 đồng. Bà không có ý kiến gì về số tiền bà đã bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo S.

+ Bà Trần Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau: Bà không có yêu cầu gì về chiếc điều cày các bị cáo dùng để đánh nhau, ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

+ Bà Hà Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau: Các con của bà là Hà Văn L và Hà Văn K, khi anh L và anh K bị đâm vợ chồng bà phải cùng nhau chăm sóc cho anh L và anh K tại Bệnh viện cũng như khi về gia đình. Bà làm ruộng thu nhập mỗi ngày khoảng 100.000 đồng, bà phải chăm sóc anh L và anh K ở bệnh viện Bắc Giang mất 10 ngày. Bà đồng ý với yêu cầu bồi thường của anh L và anh K đối với bị cáo S, tổng số tiền anh L và anh K yêu cầu bồi thường trong đó có cả tiền mất thu nhập của bà chăm sóc anh L và tiền mất thu nhập của ông Nghi chăm sóc anh K ở bệnh viện. Ngoài ra bà không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trí S phạm tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"

2. Áp dụng điểm b, c khoản 3 Điều 134 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2012 đến ngày 21/12/2012. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h, b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Nguyễn Văn C từ 14 tháng đến 16 tháng, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2012 đến ngày 30/01/2013. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Trí S phải bồi thường thiệt hại cho anh Hà Văn L 30.481.000 đồng bồi thường thiệt hại cho anh Hà Văn K 43.281.000 đồng

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 các bị cáo Phạm Trí S và Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh K gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh K gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/9/2012 tại trước cửa quán bia Thanh Mạnh ở khu vực chợ Quán thành, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, do có mâu thuẫn trong việc mời nhau uống bia nên Nguyễn Văn C đã có hành vi dùng một chiếc điều cày bằng tre có đường kính khoảng 5,5cm, dài khoảng 60 cm đập một cái vào đầu anh L nhưng không gây thương tích gì. Phạm Trí S có hành vi dùng 01 con dao dạng dao gấp bằng kim loại dài khoảng 15cm, rộng khoảng 2cm, lưỡi dao sắc nhọn đâm 02 nhát vào vùng hạ sườn phải anh L gây tổn thương 53% sức khỏe và 01 nhát vào vùng hạ sườn trái anh K gây tổn thương 56% sức khỏe. Hành vi của bị cáo S đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo S đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, hành vi phạm tội của bị cáo C gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội gây tổn hại sức khỏe cho người khác, gây mất trật tự nơi công cộng. Do vậy việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3]. Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và trước phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bị cáo Chung phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo cũng đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại. Bị cáo S có ông nội là Phạm Trí Chắt được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo S sau khi được thay đổi biện pháp ngăn chặn, đến giai đoạn xét xử bị cáo đã bỏ trốn và cơ quan Công an thành phố B đã phải ra lệnh truy nã đối với bị cáo S, việc bị cáo S bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng sau đó bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo C được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6]. Mặc dù bị cáo S và bị cáo C phạm tội trong thời gian chưa có Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, nhưng đến nay Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực và quy định tại khoản 3 Điều 134 về tội “Cố ý gây thương tích” của bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm có lợi hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo S. Còn đối với bị cáo C, tại thời điểm xét xử mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành, nhưng các quy định về tội danh, về hình phạt của tội “Gây rối trật tự công cộng” của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 không có gì thay đổi so với Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo S nhất trí bồi thường cho anh Hà Văn L số tiền 30.481.000 đồng, bồi thường cho anh Hà Văn K số tiền 43.241.000 đồng. Anh Hà Văn L và anh Hà Văn K không yêu cầu khoản tiền gì khác. Ông Hà Văn N và bà Hà Thị M nhất trí tổng số tiền bồi thường như anh L và anh K yêu cầu. Ông bà không có yêu cầu gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường về dân sự của anh L và anh K là phù hợp với quy định tại

Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

[8] Ông Nghi yêu cầu bị cáo S phải bồi thường số tiền 45.000.000 đồng, tại phiên tòa ông Nghi rút yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trí S phạm tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Căn cứ điểm b, c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí S 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2012 đến ngày 21/12/2012. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2018.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 245; điểm b,h,p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày từ ngày 23/10/2012 đến ngày 30/01/2013. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 590 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Phạm Trí S phải bồi thường cho anh Hà Văn L số tiền 30.481.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng) và bồi thường cho anh Hà Văn K số tiền 43.241.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo S phải chịu 3.686.100 đồng án phí Dân sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- CQ THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo

